**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2020/DSST
Ngày: 28/9/2020
*V/v: " Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Hòa
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Kính.
2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào, thư ký Tòa án nhân dân Quân Y,Thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quân Y,Thành phố H*** *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quân Y,Thành phố H xét xử công khai vụ án thụ lý số 576/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc :"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐ-HPT ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông PM, sinh năm 1959
Địa chỉ: 214 chung cư Trần Văn Kiểu, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Nhàn sinh năm 1974, địa chỉ 373/24/16 Thống Nhất, Phường 11, Quận Gò Vấp theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019
( Có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Hồ Văn Đức, sinh năm 1972
2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hà, sinh năm 1977
Cùng địa chỉ: 288 Cao Lỗ, Phường 4, Quân Y,Thành phố H
( Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Nhàn trình bày: Ông PM và vợ chồng ông Đ, bà THcó mối

quan hệ quen thân nên từ năm 2014 đến năm 2019 ông PM có cho ông Đ, bà TH vay mượn tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

Ngày 30/10/2014 mượn số tiền 2.300.000.000 đồng không tính lãi trong thời hạn từ ngày 30/10/2014 đến ngày 25/4/2015. Hợp đồng vay tiền có công chứng. Ông Đ, bà THdo có khó khăn nên không trả tiền hết khi đến hạn mà trả tiền kéo dài làm nhiều lần. Mỗi lần trả ông PM đều ghi vào sổ do ông Đ, bà TH giữ, tính đến năm 2019 ông Đ và bà TH trả cho ông PM tổng cộng 1.800.000.000 đồng còn nợ 500.000.000 đồng.

Ngày 21/01/2019 ông PM cho ông Đ vay 200.000.000 đồng có viết giấy vay và hẹn 20/02/2019 sẽ trả.

Ngày 13/3/2019 ông Đ vay 30.000.000 đồng có viết giấy vay, thỏa thuận miệng là 30/4/2019 sẽ trả.

Tổng cộng ông Đ, bà TH còn nợ ông PM số tiền 730.000.000 đồng. Ông Đ hứa ngày 30/4/2019 sẽ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông PM. Đến hẹn ông PM đòi nhưng vợ chồng ông Đ hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả. Ông PM khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà TH phải trả cho ông toàn bộ số nợ còn thiếu. Ông PM không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đ, bà TH: Vắng mặt nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đ, bà TH trả ông PM số tiền 730.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ông PM thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại QuậnY, Thành phố H, nên theo qui định của các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

[ 2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đ và bà TH đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn ông Đ và bà TH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Đ và bà TH.

[3].Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét hợp đồng vay ngày 30/10/2014 ông PM cho ông Đ, bà TH vay số tiền 2.300.000.000 ( hai tỷ ba trăm triệu) đồng, không tính lãi. Hợp đồng có sự chứng

kiến của công chứng viên có thời hạn trả nợ là ngày 25/4/2015. Hợp đồng vay có thời hạn phù hợp với qui định của pháp luật. Ông Đ, bà THcùng ký giấy vay nợ thì phải cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận. Không có chứng cứ của việc trả nợ nhưng nguyên đơn thừa nhận ông Đ, bà TH đã trả được 1.800.000.000 đồng nên ghi nhận.

Hợp đồng vay ngày 21/01/2019 ông Đ ký giấy vay và đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng , có thỏa thuận thời hạn trả là 20/02/2019 nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất.

Hợp đồng vay ngày 13/3/2019 ông Đ ký giấy vay và đã nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng. Tuy không ghi thời hạn trả nợ là ngày nào nhưng trong hợp đồng xác định sẽ trả nợ đúng hạn chứng tỏ giữa hai bên có thỏa thuận về thời gian trả nợ nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất.

Ông PM khai hai bên thỏa thuận trả hết các khoản nợ vào ngày 30/4/2019. Bà TH và ông Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản đối chứng tỏ có có việc vay nợ và thỏa thuận trả nợ như nguyên đơn trình bày. Tòa án triệu tập ông Đ, bà TH đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn cố ý vắng mặt xem như ông Đ, bà TH đã tự mình từ chối thực hiện các quyền lợi hợp pháp và phải tự gánh chịu mọi hậu quả pháp lý do việc vắng mặt của mình. Bà TH và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, bà TH không chứng minh được việc ông Đ vay tiền của ông PM không dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên phải cùng ông Đ trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông PM. Ông PM không yêu cầu tính lãi suất do vi phạm thỏa thuận trả tiền là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 , Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 122, Điều 388, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ông PM:

Buộc ông Đ và bà TH thanh toán cho ông PM số tiền 730.000.000 ( Bảy trăm ba mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu ông Đ, bà TH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng ông Đ, bà TH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ và bà TH phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.500.000 (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (…)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thúy Hòa**